

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2108/UBND-TH**

Quảng Ngãi, ngày **02** tháng 5 năm 2019

V/v chuẩn bị nội dung làm việc với Bộ Tài chính về công tác quyết toán dự án hoàn thành, chi phí quản lý dự án và quản lý các Chương trình MTQG

Kính gửi:



- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện Công văn số 4705/BTC-ĐT ngày 22/4/2019 của Bộ Tài chính về việc kiểm tra công tác quyết toán dự án hoàn thành, chi phí quản lý dự án và quản lý các Chương trình mục tiêu Quốc gia (*bản chụp kèm theo*), Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi và UBND các huyện, thành phố chuẩn bị tài liệu, báo cáo theo đề cương của Bộ Tài chính kèm theo Công văn nêu trên, trực tiếp gửi Bộ Tài chính **trước ngày 10/5/2019** và cử công chức có thẩm quyền làm việc với Đoàn công tác; báo cáo UBND tỉnh kế hoạch làm việc của Đoàn công tác./.

Nơi nhận:

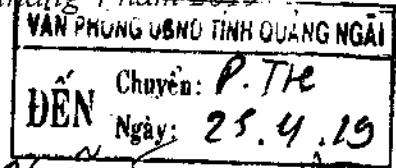
- Như trên;
- Bộ Tài chính (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, CBTH;
- Lưu: VT, P.Thhtlvan118.

CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng

Số: 4705 /BTC-ĐT
V/v kiểm tra công tác QTDAHT,
chi phí QLDA và quản lý các
Chương trình MTQG

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2019.



HỎA-TỐC

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính tổ chức Đoàn Công tác do Lãnh đạo Vụ Đầu tư làm Trưởng đoàn kiểm tra tình hình thực hiện quyết toán dự án hoàn thành, chi phí quản lý dự án và quản lý các Chương trình mục tiêu Quốc gia tại địa phương theo các nội dung cụ thể như sau:

1. Nội dung kiểm tra:

- Công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước theo quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính: số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 và số 64/2018/TT-BTC ngày 30/07/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016.

- Công tác quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính: số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 và số 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017.

- Công tác quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi..... giao cho một đơn vị có thẩm quyền (chủ trì) phối hợp với các đơn vị khác có liên quan chuẩn bị tài liệu, báo cáo theo đề cương (kèm theo) gửi về Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư) trước ngày 10/5/2019 và cử công chức có thẩm quyền làm việc với Đoàn Công tác.

2. Thời gian kiểm tra: 02 ngày (dự kiến trong tháng 7./2019). Đoàn Công tác sẽ phối hợp với đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố giao nhiệm vụ chủ trì thống nhất thời gian làm việc cụ thể.

Bộ Tài chính có ý kiến đề Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi..... biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- STC... tỉnh Quảng Ngãi
- Lưu VT, ĐT (30).

KT. BỘ TRƯỞNG
T. NHƯ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KIỂM TRA

(Kèm theo công văn số 4705 /BTC-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ Tài chính)

A. Công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của địa phương (do Sở Tài chính chủ trì báo cáo):

I. Đối tượng:

Sở Tài chính và 01 - 02 phòng Tài chính – Kế hoạch do địa phương lựa chọn.

II. Nội dung:

1. Báo cáo tổng hợp quyết toán dự án hoàn thành năm 2018 theo Mẫu số 11/QTDA của Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính.

- Tổng số dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành năm 2018 là: dự án với giá trị đề nghị quyết toán là..... triệu đồng, giá trị được quyết toán là triệu đồng (trong đó: vốn NSNN do tỉnh quản lý là triệu đồng; vốn NSNN do huyện quản lý là triệu đồng; vốn NSNN do xã quản lý là triệu đồng); qua thẩm tra, phê duyệt quyết toán đã loại ra khỏi giá trị đề nghị quyết toán là triệu đồng, chiếm tỷ lệ% tổng giá trị đề nghị quyết toán (dự án do tỉnh quản lý triệu đồng, dự án do huyện quản lý triệu đồng, dự án do xã quản lý..... triệu đồng).

- Số vốn còn lại chưa thanh toán so với giá trị quyết toán được duyệt là.....triệu đồng (dự án do tỉnh quản lý triệu đồng, dự án do huyện quản lý triệu đồng, dự án do xã quản lý..... triệu đồng).

- Số dự án hoàn thành đã nộp báo cáo quyết toán, chưa phê duyệt quyết toán là dự án, với giá trị đề nghị quyết toán là triệu đồng; trong đó:

+ Dự án trong thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán là dự án (do tỉnh quản lý dự án, do huyện quản lý..... dự án, do xã quản lý dự án).

+ Dự án chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng là dự án (do tỉnh quản lý dự án, do huyện quản lý..... dự án, do xã quản lý..... dự án).

+ Dự án chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán từ 24 tháng trở lên là dự án (do tỉnh quản lý dự án, do huyện quản lý..... dự án, do xã quản lý..... dự án).

- Số dự án chưa nộp báo cáo quyết toán là dự án, với giá trị đã giải ngân là triệu đồng; trong đó:

+ Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán là dự án (do tỉnh quản lý dự án, do huyện quản lý..... dự án, do xã quản lý..... dự án).

+ Dự án chậm nộp dưới 24 tháng là dự án (do tỉnh quản lý dự án, do huyện quản lý..... dự án, do xã quản lý..... dự án).

Dự án chậm nộp từ 24 tháng trở lên là dự án (do tỉnh quản lý dự án, do huyện quản lý..... dự án, do xã quản lý..... dự án).

2. Việc chấp hành Thông tư của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước:

- Công tác lập hồ sơ quyết toán.

- Công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

- Công tác quản lý, hướng dẫn, kiểm tra đơn vị cấp dưới; giải pháp chỉ đạo điều hành của đơn vị.

3. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện.

B. Tình hình thực hiện quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước (do Sở Tài chính chủ trì và các đơn vị liên quan báo cáo) theo nội dung:

I. Đối tượng: Sở Tài chính và 01 - 02 phòng Tài chính – Kế hoạch, 01 - 02 Ban Quản lý dự án do địa phương lựa chọn.

II. Nội dung:

1. Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán; chấp hành dự toán thu, chi quản lý dự án hàng năm.

2. Quyết toán thu, chi quản lý dự án;

3. Việc sử dụng các quỹ theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

4. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện.

C. Chương trình mục tiêu quốc gia (do đơn vị được UBND tỉnh, thành phố giao nhiệm vụ chủ trì báo cáo):

I. Đối tượng: từ 01 - 02 phòng Tài chính – Kế hoạch do địa phương lựa chọn.

II. Nội dung:

1. Tình hình phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2016-2020 Chương trình mục tiêu quốc gia:

- Ngân sách trung ương hỗ trợ theo Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định bổ sung (nếu có) là triệu đồng, chia ra:

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là.... triệu đồng.

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là.... triệu đồng.

- Tổng số đã giao trong 4 năm (2016 – 2019) làtriệu đồng (chi tiết theo hai Chương trình); số vốn còn lại năm 2020 làtriệu đồng (chi tiết theo hai Chương trình).

2. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn NSTW năm 2018 (chi tiết theo biểu số 01 đính kèm):

2.1. Về tình hình phân bổ kế hoạch vốn:

Kế hoạch vốn đầu tư nguồn NSTW là..... triệu đồng, trong đó:

- Quyết định số 1854/QĐ-BKHĐT ngày 21/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao chi tiết dự toán chi ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2018:triệu đồng.

- Các Quyết định giao bổ sung trong năm 2018 (nếu có).

Theo Chương trình:

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là.... triệu đồng, chia ra: (Chương trình 30a làtriệu đồng; chương trình 135 là.....triệu đồng)

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là.... triệu đồng.

- Tổng số vốn địa phương triển khai phân bổ từ nguồn vốn NSTW theo các Quyết định trên tại các Quyết định số..... là triệu đồng, trong đó bố trí thanh toán nợ đọng XDCB là..... triệu đồng, thu hồi vốn ứng trước làtriệu đồng (theo từng Chương trình).

- Đề nghị địa phương cung cấp các Quyết định phân bổ vốn (trung ương và địa phương) để Đoàn Công tác đối chiếu, rà soát.

- Kế hoạch vốn năm 2018 được kéo dài sang năm 2019 làtriệu đồng; số kế hoạch vốn bị thu hồi về ngân sách trung ương và số vốn bị hủy dự toán làtriệu

đồng (theo quy định tại Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ).

2.2. Tình hình giải ngân:

- Kết quả giải ngân vốn đầu tư nguồn NSTW kế hoạch năm 2018 (tính đến hết ngày 31/01/2019) là triệu đồng, đạt ... % so với kế hoạch được giao.

- Kết quả giải ngân vốn đầu tư nguồn NSTW kế hoạch năm 2018 kéo dài sang năm 2019 (tính đến hết ngày 31/3/2019) là triệu đồng, đạt ... % so với kế hoạch được giao.

2.3. Nhận xét, đánh giá:

- Việc chấp hành việc phân bổ, bố trí vốn (thời gian phân bổ) những tồn tại, vướng mắc về việc phân bổ, triển khai thực hiện vốn cho các Chương trình, dự án (nếu có).

- Về tình hình giải ngân: đánh giá tình hình giải ngân vốn đầu tư năm 2018 (tính đến hết ngày 31/01/2019) và kế hoạch năm 2018 được phép kéo dài sang năm 2019 (tính đến hết ngày 31/3/2019); xác định và làm rõ những tồn tại, vướng mắc và nguyên nhân giải ngân chậm.

3. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn NSTW năm 2019 (chi tiết theo biểu số 02 đính kèm):

3.1. Về tình hình phân bổ kế hoạch vốn:

- Tổng số vốn Trung ương giao năm 2019 là..... triệu đồng, bao gồm Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững là..... triệu đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là..... triệu đồng; vốn thực hiện Đề án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc chỉ đạo là..... triệu đồng; thanh toán nợ đọng XDCB là..... triệu đồng, thu hồi vốn ứng trước là..... triệu đồng.

+ Quyết định số 2106/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao chi tiết dự toán chi ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019:triệu đồng

+ Các Quyết định giao bổ sung trong năm 2019 (nếu có).

- Tổng số vốn địa phương triển khai phân bổ từ nguồn vốn NSTW theo các Quyết định trên tại các Quyết định số..... là triệu đồng, trong đó bố trí thanh toán nợ đọng XDCB là..... triệu đồng, thu hồi vốn ứng trước làtriệu đồng, chi tiết theo Chương trình:

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là.... triệu đồng, chia ra: (Chương trình 30a làtriệu đồng; chương trình 135 là.....triệu đồng), trong đó: Thanh toán nợ đọng XDCB là.....triệu đồng, thu hồi vốn ứng trước là.....triệu đồng.

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là... triệu đồng; trong đó: Thanh toán nợ đọng XDCB là.....triệu đồng, Bố trí thực hiện các Đề án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc chỉ đạo là.....triệu đồng.

- Đề nghị địa phương cung cấp các Quyết định phân bổ vốn (trung ương và Địa phương) để Đoàn Công tác đối chiếu, rà soát.

3.2. Tình hình giải ngân:

Kết quả giải ngân vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2019 (tính đến hết ngày 31/3/2019) là triệu đồng, đạt ... % so với kế hoạch địa phương giao .

3.3. Nhận xét, đánh giá:

- Việc chấp hành nguyên tắc bố trí vốn, những vướng mắc về việc phân bổ, triển khai thực hiện Chương trình; xác định và làm rõ những tồn tại, vướng mắc và nguyên nhân chậm phân bổ so với quy định; nêu các giải pháp địa phương đã thực hiện để tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong việc phân bổ và tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn.

- Đánh giá tình hình giải ngân vốn đầu tư công năm 2019; xác định và làm rõ những tồn tại, vướng mắc và nguyên nhân giải ngân chậm.

4. Tình hình nợ XDCB, vốn ứng trước của các Chương trình MTQG (báo cáo chi tiết theo từng Chương trình):

4.1. Về nợ XDCB:

Số liệu nợ XDCB đến ngày 31/12/2017, trong đó bao gồm số liệu nợ XDCB chưa xử lý đến ngày 31/12/2014, cụ thể:

- Vốn ngân sách trung ương: tổng số nợ XDCB phải xử lý trong giai đoạn 2016 – 2020 là.....triệu đồng; số vốn đã bố trí thanh toán nợ từ 2016 – 2019 là.....triệu đồng (trong đó kế hoạch năm 2019 là.....triệu đồng); số còn lại dự kiến xử lý năm 2020 là.....triệu đồng.

- Vốn ngân sách địa phương: tổng số nợ XDCB phải xử lý trong giai đoạn 2016 - 2020 là.....triệu đồng; số vốn đã bố trí thanh toán nợ từ 2016 - 2019 là.....triệu đồng (trong đó kế hoạch năm 2019 là.....triệu đồng); số còn lại dự kiến xử lý năm 2020 là.....triệu đồng.

- Những tồn tại, vướng mắc trong tổ chức thực hiện.

4.2. Về vốn ứng trước:

- Tổng số vốn ứng trước NSTW phải xử lý trong giai đoạn 2016 - 2020 là.....triệu đồng; số vốn đã bố trí thu hồi từ 2016 - 2019 là.....triệu đồng (trong đó kế hoạch 2019 là.....triệu đồng); số còn lại dự kiến xử lý năm 2020 là.....triệu đồng.

- Tổng số vốn ứng trước NSDP phải xử lý trong giai đoạn 2016 - 2020 là.....triệu đồng; số vốn đã bố trí thu hồi từ 2016 – 2019 là.....triệu đồng (trong đó kế hoạch 2019 là.....triệu đồng); số còn lại dự kiến xử lý năm 2020 là.....triệu đồng.

- Những tồn tại, vướng mắc trong tổ chức thực hiện.

D. Kiến nghị, đề xuất của địa phương đối với công tác quyết toán dự án hoàn thành, chi phí quản lý dự án và quản lý các Chương trình MTQG:

1. Cơ chế chính sách.
2. Tổ chức điều hành.
3. Các đề xuất, kiến nghị khác.

E. Về phối hợp trong triển khai kiểm tra:

1. Về thời gian, nội dung báo cáo: đề nghị đơn vị được UBND tỉnh, thành phố giao chủ trì thực hiện tổng hợp và gửi báo cáo về Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư) theo đúng thời gian, đề cương và mẫu biểu. Trong báo cáo ghi rõ công chức phối hợp (Họ và tên; chức vụ; đơn vị công tác; số điện thoại).

2. Về thời gian kiểm tra: Trên cơ sở thời gian dự kiến nêu tại công văn, đề nghị đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố giao chủ trì đề xuất cụ thể thời gian (ngày, tháng) làm việc với Đoàn Công tác; đồng thời cử công chức phối hợp với đồng chí Phạm Trọng Quý - Phó Trưởng phòng, Phụ trách phòng Quyết toán, Vụ Đầu tư, Bộ Tài chính (điện thoại 0903222233) để thống nhất thời gian cụ thể (ngày, tháng) làm việc tại địa phương.

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2018.

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nguồn vốn	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc Báo cáo KTKT		Kế hoạch vốn đầu tư				Giải ngân kế hoạch năm 2018 đến hết ngày 31/01/2018		Kế hoạch NSTW năm 2018 chưa giải ngân đến hết ngày 31/01/2019		Ghi chú		
				Tổng số	Kế hoạch NSTW năm 2018 (bao gồm bổ sung nếu có)			Tổng số	Trong đó NSTW		Tổng số		Trong đó	
					NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước KH		Tổng số	Tỷ lệ (%)			Kế hoạch vốn được kéo dài thời gian thanh toán sang năm 2019	Kế hoạch vốn bị thu hồi về ngân sách trung ương, số vốn bị hủy dự toán
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7 = 6/2	8 = 2 - 6	9	10	11
	Tổng số													
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững													
	Huyện													
	Xã													
	Dự án....													
	Dự án....													
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới													
	Huyện													
	Xã													
	Dự án....													
	Dự án....													

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2019

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nguồn vốn	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc Báo cáo KTKT		Kế hoạch vốn đầu tư							Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 31/3/2019								Ghi chú	
				Kế hoạch NSTW năm 2018 kéo dài sang năm 2019		Kế hoạch NSTW năm 2019 (bao gồm bổ sung - nếu có)			Giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2018 kéo dài sang năm 2019				Giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2019							
				Tổng số	Trong đó		NSTW	Trong đó		Tổng số	Tổng số	Tỷ lệ	Trong đó		Tổng số	Tỷ lệ	Trong đó			
					Tổng số	NSTW		TPCP	Thanh toán nợ đọng XDCB				Thu hồi vốn ứng trước KH	NSTW			TPCP	NSTW		TPCP
A	B	C	D	1=2+5	2=3+4	3	4	5	6	7	8=9+13	9=11+12	10=9/2	11	12	13	14=13/5	15	16	17
	Tổng số																			
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững																			
	Huyện																			
	Xã																			
	Dự án....																			
	Dự án....																			
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới																			
	Huyện																			
	Xã																			
	Dự án....																			
	Dự án....																			
	Trong đó: Thực hiện Đề án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt																			
	Huyện																			
	Xã																			
	Dự án....																			
	Dự án....																			